

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 205/2023/HSST

Ngày: 14-12-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lý

Ông Phan Minh Đức

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tỉnh Gia Lai tham gian phiên tòa: Bà Lương Thị Thái Bình - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 187/2023/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2023/QĐXXST-HS ngày 24-11-2023 đối với bị cáo:

TRẦN THẾ A (tên gọi khác: Không), sinh ngày 10/10/1990 tại B; nơi ĐKKHTT: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh B; nơi ở: Tổ 06, phường I, thành phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Bá T, sinh năm 1970 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1966. Hiện cha, mẹ bị cáo đang trú tại Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh B; bị cáo có 01 em ruột; bị cáo có vợ: Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1993, bị cáo chưa có con; hiện vợ của bị cáo đang trú tại phường I, thành phố P, tỉnh G.

Tiền án: Không, tiền sự: Không.

Bị cáo Trần Thế A bị tạm giữ từ ngày 19/7/2023, sau đó áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

- Bị hại:

Bà Lê Thị Tuyết L, sinh năm 1982; địa chỉ: 213 Wừu, Tổ 03, phường H, thành phố P, tỉnh G.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại: Anh Lê Văn K, sinh năm 1992; địa chỉ: 213 W, Tổ 03, phường H, thành phố P, tỉnh G.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Phan Lý P, sinh năm 1987; địa chỉ: 21 H, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

Bà Phan Thị Th, sinh năm 1948; địa chỉ: Tổ 03, phường D, thành phố P, tỉnh G; Có mặt.

Bà Lê Thị Phương L, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ 03, phường I, thành phố Pl, tỉnh G; Vắng mặt.

Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 07, phường I, thành phố P, tỉnh G; Vắng mặt.

Ông Trần Bá T, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trên cơ sở kết quả điều tra, xác định được như sau:

Bà Lê Thị Tuyết L là chủ quán nhậu 213 D tại số 213 đường W, thành phố P, tỉnh G và Công ty TNHHMTV T tại số 27 đường H, thành phố P, tỉnh G, do bà Phan Thị Th là giám đốc, có thỏa thuận mua bán bia với nhau, cụ thể như sau: Mỗi lần bà L gọi điện đặt 30 thùng bia SaiGon Lnger 330ml thì bà T có trách nhiệm giao cho nhân viên của Công ty chở bia đến quán nhậu 213 D cho bà L; sau khi nhận bia thì bà L sẽ T toán tiền cho bà T.

Trong thời gian này, Trần Thế A là nhân viên của Công ty TNHHMTV T, A được bà Phan Thị T giao nhiệm vụ vận chuyển chở bia từ công ty T đi giao cho các quán nhậu và các đại lý trên địa bàn thành phố Pleiku, trong đó có việc chở bia đến giao cho quán nhậu 213 D của bà L tại số 213 đường W, thành phố P, tỉnh G. Quá trình chở bia đến giao cho quán nhậu 213 D, A thấy bà L tin tưởng để A vác bia vào kho, không kiểm đếm lại số bia do A giao nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản bằng cách A không giao đủ số lượng bia cho bà L nhưng vẫn nói dối là đã giao đủ số lượng 30 thùng bia với bà L để bà L T toán tiền cho bà Th. Từ đầu tháng 7/2023 đến ngày 19/7/2023, A đã 05 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bà L, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 15 giờ vào đầu tháng 7/2023 (không rõ ngày), bà Lê Thị Tuyết L gọi điện yêu cầu công ty T chở 30 thùng bia loại SaiGon Lnger đến quán 213 D đường W, phường I, thành phố P. Sau đó, bà Phan Thị T nói Trần Thế A chở bia đi giao cho bà L, A điều khiển xe mô tô biển số 81K9-6407 chở 30 thùng bia SaiGon Lnger từ Công ty T đến giao cho quán 213 D, nhưng trên đường đi A chở bia đến tiệm tạp hóa Q tại số 21 đường H, thành phố Pleiku bán cho Anh Phan Lý P (sinh năm 1987, là chủ tiệm) 05 thùng bia được số tiền 1.200.000 đồng; còn 25 thùng bia A chở đến quán giao cho bà L. Khi đến quán, A vác 25 thùng bia vào kho trong quán rồi đi ra đưa phiếu tính tiền 30 thùng bia của Công ty cho bà L, do tin tưởng với số lượng bia mà A báo nên bà L chuyển khoản đủ tiền theo phiếu tính tiền cho bà T, rồi A đi về. Quan định giá, tại bản kết luận định giá tài sản số 142/KL-HĐĐGTS ngày 24/7/2023, xác định: 05 thùng bia nhãn hiệu SaiGon Lnger có trị giá 1.215.000 đồng (Bút lục số: 84; 85; 86-94; 117-129).

Lần thứ hai: Vào khoảng 16 giờ (không rõ ngày) đầu tháng 7/2023 (cách lần thứ nhất khoảng 03 ngày), bà Lê Thị Tuyết L tiếp tục gọi điện yêu cầu bà Phan Thị T giao 30 thùng bia SaiGon Lnger. Sau đó, bà T nói Trần Thế A chở 30 thùng bia đến giao cho bà L. A điều khiển xe mô tô biển số 81K9-6407 chở 30 thùng bia SaiGon Lnger đi giao, trên đường đi A đã chở bia đến tiệm tạp hóa Q tại số 21 đường H, thành phố P bán cho Anh Phan Lý P 06 thùng bia, được số tiền 1.440.000 đồng; còn lại 24 thùng bia A chở đến giao cho bà L. Sau khi vác 24 thùng bia SaiGon Lnger vào kho cho bà L xong, A đi ra đưa phiếu tính tiền 30 thùng bia, bà L tin tưởng không kiểm tra số bia A giao và đã chuyển khoản trả tiền 30 thùng bia cho bà T. Quan định giá, tại bản kết luận định giá tài sản số 143/KL-HĐĐGTS ngày 24/7/2023, xác định: 06 thùng bia nhãn hiệu SaiGon Lnger có trị giá 1.458.000 đồng (Bút lục số: 84; 85; 86-94; 117-129).

Lần thứ ba: Vào khoảng 17 giờ (không rõ ngày) đầu tháng 7/2023 (cách lần thứ hai khoảng 03 ngày), bà Lê Thị Tuyết L gọi điện yêu cầu bà Phan Thị T giao 30 thùng bia SaiGon Lnger. Sau đó, bà T nói Trần Thế A chở 30 thùng bia đến giao cho bà L. A điều khiển xe mô tô biển số 81K9-6407 chở 30 thùng bia SaiGon Lnger đi giao, trên đường đi A đã chở bia đến tiệm tạp hóa Q tại số 21 đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Pleiku bán cho Anh Phan Lý P 06 thùng bia, được số tiền 1.440.000 đồng; còn lại 24 thùng bia A chở đến giao cho bà L. Sau khi vác 24 thùng bia SaiGon Lnger vào kho cho bà L xong, A ra đưa phiếu tính tiền 30 thùng bia, bà L tin tưởng không kiểm tra số bia A giao và đã chuyển khoản trả tiền 30 thùng bia cho bà T. Quan định giá, tại bản kết luận định giá tài sản số 141/KL-HĐĐGTS ngày 24/7/2023, xác định: 06 thùng bia nhãn hiệu SaiGon Lnger có trị giá 1.458.000 đồng (Bút lục số: 84; 85; 86-94; 117-129).

Lần thứ tư: Vào khoảng 17 giờ ngày 16/7/2023, bà Lê Thị Tuyết L tiếp tục gọi điện yêu cầu bà Phan Thị T giao 30 thùng bia SaiGon Lnger. Bà T nói Trần Thế A chở bia đến giao cho bà L. A điều khiển xe mô tô biển số 81K9-6407 chở 30 thùng bia SaiGon Lnger đi giao, trên đường đi A đã chở bia đến tiệm tạp hóa Q tại số 21 đường H, thành phố P bán cho Anh Phan Lý P 10 thùng bia, được số tiền 2.400.000 đồng; còn lại 20 thùng bia A chở đến giao cho bà L. Sau khi vác bia vào kho xong, A ra đưa phiếu tính tiền cho bà L và nói đã giao đủ 30 thùng bia; do tin tưởng A nên bà L không kiểm tra lại và chuyển trả tiền 30 thùng bia cho bà T. Quan định giá, tại bản kết luận định giá tài sản số 139/KL-HĐĐGTS ngày 24/7/2023, xác định: 10 thùng bia nhãn hiệu SaiGon Lnger có trị giá 2.430.000 đồng (Bút lục số: 84; 85; 86-94; 117-129).

Lần thứ năm: Khoảng 08 giờ ngày 19/7/2023, bà Lê Thị Tuyết L tiếp tục gọi điện yêu cầu bà Phan Thị T giao 30 thùng bia SaiGon Lnger. Sau đó, bà T nói Trần Thế A chở 30 thùng bia nhãn hiệu Sai Gon Lnger từ kho hàng của Công ty T đến giao cho quán nhậu 213 D. A điều khiển xe mô tô biển số 81K9 - 6407 chở 30 thùng bia đi giao, trên đường đi A điều khiển xe đến trước tiệm tạp hóa tên “183 Wừu” ở số 183 Wừu, Tổ 03, phường Ia Kring, thành phố Pleiku do bà Lê Thị Phương L (sinh năm 1964) làm chủ, A nói với bà L A: “Xe cháu đầy quá, cho cháu gửi nhờ, tý cháu quay lại lấy”, bà L đồng ý, nên A đã để lại tiệm tạp hóa của bà L 05 thùng bia; Sau đó, A tiếp tục điều khiển xe mô tô chở số bia còn lại đến tiệm tạp hóa “Cô Vinh” ở số 150 đường H, Tổ 07, phường I, thành phố P do bà Hoàng Thị

V (sinh năm 1968) làm chủ, giao cho bà V 05 thùng bia (mục đích là để cản trở trước đó A nợ bà V 13 thùng bia). Còn lại 20 thùng bia, A chở đến quán nhậu 213 D thì gặp Anh Lê Văn K (là quản lý quán) tại quầy thu ngân, A nói với Anh K đến giao 30 thùng bia từ Công ty T, Anh K đồng ý cho A chuyển bia vào kho. Sau khi chuyển 20 thùng bia vào trong kho xong, A ra quầy thu ngân nói dối Anh K là đã giao đủ 30 thùng bia rồi đưa phiếu tính tiền cho Anh K, Anh K hỏi lại: “Giao đủ chưa?” thì A nói “Đủ rồi”, Anh K tin tưởng nên đã trả đủ tiền 30 thùng bia cho A với số tiền là 7.620.000 đồng. Sau khi A cầm tiền, Anh K thấy có dấu hiệu nghi vấn nên nói A đợi để Anh K kiểm tra lại số bia đã giao. Anh K vào kiểm đếm thấy không đủ số lượng 30 thùng bia SaiGon Lnger như phiếu tính tiền nên đã gọi điện đến Công an phường H trình báo. Tại cơ quan Công an, A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cơ quan Công an đã thu giữ của A gồm: 7.620.000 đồng tiền Ngân hàng Việt Nam và 01 xe mô tô biển số 81K9-6407. Quan định giá, tại bản kết luận định giá tài sản số 140/KL-HĐĐGTS ngày 24/7/2023, xác định: 10 thùng bia nhãn hiệu SaiGon Lnger có trị giá 2.430.000 đồng.

Bị cáo Trần Thế A đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác:

Quan trưng cầu, tại các Kết luận số: 139, 140, 141, 142, 143/KL-HĐĐGTS ngày 24-7-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự thành phố Pleiku kết luận: 37 thùng bia Sài Gòn Lnger có tổng trị giá 8.991.000đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận nêu trên.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số: 208/CT-VKS ngày 10-11-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Trần Thế A về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Thế A và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Thế A phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo mức án tù 09 tháng tù đến 01năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự;

Đối với số tiền 7.620.000 đồng, quan điều tra xác định: Số tiền trên thuộc sở hữu của bà Phan Thị T. Do đó, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại số tiền trên cho bà T.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 81K9-6407, quan điều tra xác định: Chiếc xe mô tô trên thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị T (Sinh năm 1979, trú tại: Làng K 2, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai); Bà T đã giao xe cho bà Phan Thị T (là mẹ ruột) để bà T cho nhân viên công ty T sử dụng với mục đích đi giao hàng. Do đó, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại chiếc xe trên cho bà T.

Đối với 27 thùng bia SaiGon Lnger, Trần Thế A khai nhận đã bán cho ông Phan Lý P. Tuy nhiên, ông P không thừa nhận việc đã mua 27 thùng bia từ A; do đó, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về dân sự: Trần Thế A đã tác động gian đình, bồi thường số tiền 6.858.000 đồng cho Anh Lê Văn K (đại diện theo ủy quyền của bị hại) và thỏa thuận trả lại số tiền 4.880.000 đồng cho bà Hoàng Thị V. Hiện Anh K và bà V không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự và đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận vì việc làm của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trẢnh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét thấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Trần Thế A phạm tội như sau:

Trần Thế A là nhân viên giao hàng của Công ty TNHH MTV T. Lợi dụng sự tin tưởng của bà Lê Thị Tuyết L (chủ quán 213 D) và Anh Lê Văn K (là quản lý quán) không kiểm đến số bia do A chở đến giao, trong khoảng thời gian từ đầu tháng 7 năm 2023 đến ngày 19 tháng 7 năm 2023, A đã 05 lần dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 37 thùng bia SaiGon Lnger có tổng trị giá là 8.991.000 đồng. Ngày 19 tháng 7 năm 2023, Trần Thế A bị bắt quả tang cùng vật chứng.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Thế A là người đã trưởng thành, có trình độ học vấn nhất định, lẽ ra bị cáo phải nhận thức hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội. Tuy

nhân, vì muốn có tiền tiêu xài và đã có ý thức muốn chiếm đoạt tài sản, lợi dụng sự tin tưởng của bị hại, bị cáo đã nhận và giao không đủ 37 thùng bia Saigon Lnger cho bị hại. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm trật tự trị A xã hội, đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo cải tạo bản thân tiến bộ là cần thiết.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi bị bắt quả tang bị cáo đã tự thú về những lần phạm tội chưa bị phát hiện; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gian đình bồi thường cho bị hại và đại diện theo ủy quyền của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt.

[4] Về vật chứng vụ án:

Đối với số tiền 7.620.000 đồng, quan điều tra xác định: Số tiền trên thuộc sở hữu của bà Phan Thị T. Do đó, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại số tiền trên cho bà T là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 81K9-6407, quan điều tra xác định: Chiếc xe mô tô trên thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị T (Sinh năm 1979, trú tại: Làng K, xã I, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai); Bà Thảo đã giao xe cho bà Phan Thị T (là mẹ ruột) để bà T giao cho nhân viên công ty T sử dụng với mục đích đi giao hàng; do đó, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại chiếc xe trên cho bà T là phù hợp.

Đối với 27 thùng bia SaiGon Lnger, Trần Thế A khai nhận đã bán cho ông Phan Lý Phú. Tuy nhiên, ông Phú không thừa nhận việc đã mua 27 thùng bia từ A; do đó, Cơ quan điều tra không thu hồi được là phù hợp.

[5] Về dân sự: Bị cáo đã tác động gian đình là ông Trần Bá T bồi thường số tiền 6.858.000 đồng cho Anh Lê Văn K (đại diện theo ủy quyền của bị hại) và thỏa thuận trả lại số tiền 4.880.000 đồng cho bà Hoàng Thị V. Hiện Anh K và bà Vinh không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự và đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Bá T không có yêu cầu gì đối với bị cáo về số tiền đã bồi thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về các vấn đề khác:

Đối với bà Phanm Thị T, là giám đốc Công ty TNHHMTV T, quan điều tra xác định: Bà T không biết việc Trần Thế A thực hiện hành vi phạm tội; đồng thời, bà T cũng không hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội của A. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.Pleiku không xem xét, xử lý về hình sự đối với bà T trong vụ án này là có căn cứ.

Đối với bà Nguyễn Thị T, là chủ xe mô tô biển số 81K9- 6407, quan điều tra xác định: Bà Thảo đã giao xe cho bà Phan Thị T để bà T giao cho nhân viên Công Ty TNHHMTV T sử dụng vào việc giao hàng cho Công ty. Việc Trần Thế A dùng xe của bà T làm phương tiện đi thực hiện hành vi phạm tội thì bà Thảo và bà T không biết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P không xem xét, xử lý về hình sự đối với bà T trong vụ án này là phù hợp.

Đối với bà Hoàng Thị V và bà Lê Thị Phương L, mỗi người đã nhận 05 thùng bia do Trần Thế A chiếm đoạt của bà Lê Thị Tuyết L, quá trình điều tra xác định: Khi nhận số bia trên từ A thì bà Vinh và bà L đều không biết đây là tài sản do A chiếm đoạt mà có; sau khi hành vi của A bị phát hiện thì bà Vinh và bà L đã tự nguyện giao lại số bia đã nhận từ A. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.Pleiku không xem xét, xử lý về hình sự đối với bà Vinh và bà L về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với ông Phan Lý P(là chủ tiệm tạp hóa Q) là người mà Trần Thế A khai đã mua 27 thùng bia do A chiếm đoạt được của bà Lê Thị Tuyết L vào tháng 7 năm 2023, quá trình điều tra: Ông Phú khai nhận, ông Phú làm người kinh doanh tiệm tạp hóa Q và có đặt hàng bia từ Công ty TNHHMTV T về bán. Ông P không thừa nhận việc đã mua 27 thùng bia từ Trần Thế A, việc A chở bia đến giao là do ông Phú đặt hàng từ Công ty TNHHMTV T. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa ông P và A nhưng ông P vẫn không thừa nhận; ngoài lời khai của A thì không còn chứng cứ nào khác để chứng minh việc ông P đã mua 27 thùng bia từ A. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không đủ căn cứ xử lý đối với ông P về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Thế A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thế A phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo: Trần Thế A 09 (chín) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 7 năm 2023.

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Trần Thế A phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố Tụng hình sự năm 2015;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại; người đại diện

theo ủy quyền của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gian tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nhàn

